BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Số: 2766 /QĐ-ĐHTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 32B Kỳ tuyển sinh cao học đợt 2 - tháng 11 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/03/2026 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2469/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại hoc Thương mại;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh cao học năm 2026 của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ kết quả xét tuyển cao học đợt 2, tháng 11 năm 2026 của Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 476 (Bốn trăm bảy sáu) thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 32B (niên khóa 2026 – 2028), đợt 2 - tháng 11 năm 2026 của Trường Đại học Thương mại, trong đó:

- Xét tuyển thẳng: 94 học viên;
- Xét tuyển phỏng vấn: 382 học viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các học viên có tên ở điều 1 thực hiện nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Thương mại.

Điều 3. Các ông (bà) Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, các đơn vị hữu quan và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như điều 3 (để thực hiện)*
- *Lưu VT, Viện ĐTSĐH*

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS. Nguyễn Hoàng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC TUYỂN THẲNG CAO HỌC KHOÁ 32B (2026-2028)
ĐỢT 2 - THÁNG 11 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2466/QĐ-ĐHTM, ngày 11. tháng 11.năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
1	26B649	Nguyễn Đức Phương Anh	Nữ	23/08/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
2	26B6644	SOUVANTHONE DUANGPASONG	Nam	03/12/1996	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
3	26B668	Lê Minh Dương	Nam	08/11/2002	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
4	26B653	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	03/10/2002	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
5	26B6616	Đinh Nguyễn Thanh Hoài	Nữ	18/10/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
6	26B6643	PHOUNSOUK JINSUDA	Nữ	16/05/2000	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
7	26B6642	YEEXIONG KEOXAIXIONG	Nam	05/09/1986	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
8	26B632	Cao Huệ Linh	Nữ	18/05/2003	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
9	26B6605	Lê Hương Linh	Nữ	01/01/2000	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
10	26B687	Lương Vũ Thanh Loan	Nữ	13/04/2003	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
11	26B676	Trịnh Bảo Minh	Nữ	24/07/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
12	26B678	Nguyễn Hoàng Ánh Minh	Nữ	13/10/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
13	26B652	Lê Thảo My	Nữ	26/06/2003	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
14	26B620	Nguyễn Thị Nga	Nữ	23/10/1991	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
15	26B646	Phạm Thu Ngân	Nữ	14/01/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
16	26B637	Trần Nguyễn Anh Thu	Nữ	14/05/2002	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
17	26B6610	Bùi Vũ Thảo Vy	Nữ	20/11/2004	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
18	26B521	Đỗ Thị Thu An	Nữ	08/09/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
19	26B506	Lê Phương Anh	Nữ	03/08/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
20	26B543	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	01/09/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
21	26B558	Hoàng Thị Ánh	Nữ	25/11/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
22	26B513	Nguyễn Minh Châu	Nữ	10/04/2003	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
23	26B532	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	06/06/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
24	26B511	Nguyễn Mỹ Duyên	Nữ	17/04/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
25	26B586	Phạm Hoàng Ngân Giang	Nữ	26/11/2002	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
26	26B593	Lê Ngân Hà	Nữ	26/06/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
27	26B580	Nguyễn Thu Hà	Nữ	13/06/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
28	26B578	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	23/09/2000	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
29	26B556	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	12/01/2001	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
30	26B5601	Phạm Khánh Linh	Nữ	13/12/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
31	26B526	Lưu Thị Mỹ Linh	Nữ	15/05/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
32	26B549	Tạ Thùy Linh	Nữ	04/07/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
33	26B551	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	23/11/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
34	26B557	Dương Thị Nhung	Nữ	12/11/2003	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
35	26B554	Tạ Thị Quỳnh	Nữ	11/09/1998	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
36	26B572	Hà Thị Thanh Quỳnh	Nữ	30/11/2003	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
37	26B5611	Triệu Phương Thảo	Nữ	19/03/2003	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
38	26B516	Vũ Văn Thái	Nam	02/12/2003	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
39	26B571	Nguyễn Ngọc Trung	Nam	22/09/2004	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
40	26B5610	DAOSAVANH VOLACHACK	Nữ	03/11/2001	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
41	26B535	Lương Thị Xuân	Nữ	01/02/2001	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
42	26B272	Nguyễn Thị An	Nữ	02/03/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
43	26B227	Đỗ Vĩnh Chính	Nam	04/02/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
44	26B248	Lê Mạnh Dũng	Nam	27/10/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
45	26B205	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	30/05/2003	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
46	26B216	Đỗ Phương Hậu	Nữ	01/07/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
47	26B215	Hoàng Thị Mai Hoa	Nữ	19/03/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
48	26B221	Vũ Thị Huyền	Nữ	23/01/2003	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
49	26B207	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	28/12/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
50	26B240	Vũ Thị Liễu	Nữ	09/01/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
51	26B231	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	23/07/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
52	26B249	Phạm Thùy Linh	Nữ	28/01/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
53	26B268	Nông Văn Quí	Nam	26/01/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
54	26B224	Phạm Tiến Quốc	Nam	30/10/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
55	26B237	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	19/02/2001	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
56	26B225	Đỗ Phương Thảo	Nữ	23/10/2002	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
57	26B256	Nguyễn Dương Phương Thảo	Nữ	12/10/2004	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
58	26B450	Phạm Văn Chiến	Nam	23/08/1999	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
59	26B442	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	30/06/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
60	26B429	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	15/02/2000	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
61	26B418	Vũ Thị Thu Hương	Nữ	20/08/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
62	26B402	Đặng Thị Thu Hường	Nữ	23/08/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
63	26B421	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	04/06/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
64	26B432	Nguyễn Thị Minh Khuê	Nữ	19/11/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
65	26B426	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	24/12/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
66	26B454	Phan Thị Mỹ Linh	Nữ	21/10/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
67	26B438	Đoàn Nguyễn Nhật Minh	Nam	29/07/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
68	26B443	Nguyễn Trà My	Nữ	22/04/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
69	26B446	Nguyễn Huyền Nhi	Nữ	30/04/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
70	26B434	Hà Thu Phương	Nữ	27/07/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
71	26B404	Nguyễn Ngọc Tài	Nam	19/09/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
72	26B435	Hoàng Trần Phương Thảo	Nữ	01/12/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
73	26B441	Nguyễn Sơn Thái	Nam	21/08/2004	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
74	26B401	Đinh Công Thương	Nam	18/04/2003	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
75	26B110	Đặng Linh Chi	Nữ	20/12/2004	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
76	26B102	Đinh Mỹ Duyên	Nữ	15/07/2003	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
77	26B131	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	01/01/1998	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
78	26B107	Nguyễn Trần Long	Nam	14/07/1988	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
79	26B113	Phạm Mai Phương	Nữ	02/10/2004	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
80	26B127	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	08/11/2003	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
81	26B311	Bùi Diệu Anh	Nữ	30/10/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
82	26B302	Nguyễn Mai Anh	Nữ	22/04/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
83	26B345	Hà Kiều Anh	Nữ	28/08/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
84	26B344	Trần Thị Hiền Anh	Nữ	15/12/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
85	26B335	Ngô Minh Chi	Nữ	21/10/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
86	26B348	Đặng Minh Hằng	Nữ	19/08/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
87	26B349	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	18/02/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
88	26B332	Lê Thị Mỹ Linh	Nữ	12/09/1994	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
89	26B309	Trần Thị Phương Linh	Nữ	29/01/2002	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
90	26B305	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	16/02/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
91	26B352	Nguyễn Hà Phương	Nữ	21/12/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
92	26B304	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	12/04/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
93	26B340	Ngô Thị Phương Thảo	Nữ	12/11/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
94	26B347	Hoàng Văn Thái	Nam	19/10/2004	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	

(Danh sách gồm 94 học viên)

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS.TS. Nguyễn Hoàng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC KHÓA 32B (2026-2028)
ĐỢT 2 - THÁNG 11 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2766 /QĐ-ĐHTM, ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
1	26B560	Nguyễn Việt Anh	31/01/2002	101	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
2	26B510	Lê Hải Anh	24/02/2004	102	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
3	26B517	Đỗ Nguyễn Châu Anh	23/10/2004	103	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
4	26B515	Đặng Thị Châu Anh	20/01/2004	104	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
5	26B564	Lương Phan Anh	02/03/2004	106	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
6	26B573	Bùi Quang Anh	08/08/2000	107	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
7	26B587	Trương Quỳnh Anh	18/11/2002	108	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
8	26B581	Trần Ngọc Châu	25/10/1992	109	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
9	26B563	Nguyễn Minh Châu	19/10/2004	110	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
10	26B540	Đỗ Quỳnh Chi	23/03/2004	111	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
11	26B5615	Nguyễn Duy Chính	02/04/1991	112	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
12	26B503	Phạm Mạnh Cường	07/01/2002	113	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
13	26B518	Phạm Anh Dũng	05/05/2004	115	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
14	26B553	Nguyễn Hữu Việt Dũng	15/10/2003	116	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
15	26B529	Nguyễn Khắc Tùng Dương	01/05/2002	117	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
16	26B5606	Vũ Đại Dương	18/10/1995	118	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
17	26B565	Dương Quốc Đạt	25/12/2005	119	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
18	26B5604	Nguyễn Thị Được	24/06/1987	120	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
19	26B5600	Nguyễn Việt Đức	06/10/2002	121	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
20	26B5607	Nguyễn Thị Hương Giang	24/08/2001	122	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
21	26B512	Lường Đình Giáp	06/04/1982	123	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
22	26B552	Đinh Hải Hà	20/06/1983	124	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
23	26B590	Đào Phương Hà	23/11/2004	125	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
24	26B545	Nguyễn Hồng Hạnh	24/07/1994	126	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
25	26B5608	Trần Thị Mỹ Hạnh	25/02/1987	127	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
26	26B561	Phan Thị Hồng Hạnh	12/08/1994	128	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
27	26B5617	Lê Thị Hiền	25/01/1994	129	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
28	26B583	Nguyễn Minh Hiếu	07/10/2004	130	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
29	26B5602	Phạm Thành Hiếu	02/03/2005	131	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
30	26B525	Lê Thị Hồng Hoa	21/09/2004	132	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
31	26B514	Nguyễn Huy Hoàng	19/09/2000	133	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
32	26B527	Phạm Công Hợp	11/12/1983	134	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
33	26B508	Trần Doãn Quốc Huy	11/11/2001	135	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
34	26B534	Đặng Công Huy	15/08/2000	136	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
35	26B547	Phạm Đăng Hùng	14/08/1992	137	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
36	26B559	Đồng Việt Hùng	25/08/2003	138	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
37	26B5618	Lê Phú Hưng	08/03/1999	140	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
38	26B530	Nguyễn Thị Hương	21/03/1991	141	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
39	26B5616	Vũ Thị Hương	08/04/2001	142	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
40	26B574	Nguyễn Hiền Lâm	01/02/2004	143	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
41	26B539	Lam Thị Ngọc Lệ	22/12/1998	144	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
42	26B5609	Đặng Thị Mỹ Lệ	09/07/2003	145	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
43	26B531	Nguyễn Lê Phương Linh	03/08/2005	146	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
44	26B536	Trần Nguyễn Nhật Linh	29/10/2000	147	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
45	26B576	Tạ Thị Hồng Linh	22/04/1998	148	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
46	26B502	Hoàng Tuyết Mai	21/11/2003	149	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
47	26B584	Vũ Phương Mai	08/04/2004	150	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
48	26B562	Nguyễn Văn Mạnh	26/03/2000	151	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
49	26B537	Đặng Nhật Minh	04/03/2003	152	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
50	26B555	Nguyễn Thị Ngọc Minh	30/12/2004	153	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
51	26B5603	Nguyễn Trà My	04/07/1997	154	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
52	26B591	Khuất Trà My	12/10/2003	155	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
53	26B575	Đinh Giang Nam	23/10/2005	156	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
54	26B594	Phạm Hoàng Nam	18/12/2003	157	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
55	26B570	Nguyễn Minh Nga	09/08/2001	158	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
56	26B546	Nguyễn Thị Nga	25/10/2001	159	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
57	26B505	Lê Nguyễn Ngọc Ngân	25/07/2004	160	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
58	26B541	Phan Thị Thu Ngân	26/11/2003	161	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
59	26B528	Nguyễn Thị Ngoan	15/04/2003	162	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
60	26B568	Trần Bảo Ngọc	26/03/2004	163	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
61	26B569	Lê Tuấn Ninh	16/07/2004	164	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
62	26B585	Quách Duy Phong	20/01/2002	166	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
63	26B596	Trần Thanh Phong	11/01/2001	167	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
64	26B550	Trần Vạn Phúc	01/09/1986	168	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
65	26B5614	Hồ Ngọc Phương	25/12/1997	169	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
66	26B5621	Nguyễn Ngọc Quy	21/09/1986	170	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
67	26B507	Mai Anh Sơn	17/07/2000	171	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
68	26B566	Nguyễn Đức Sơn	21/07/2000	172	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
69	26B567	Nguyễn Minh Tâm	07/04/2004	173	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
70	26B501	Nguyễn Thị Thanh	28/03/1984	174	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
71	26B5612	Phạm Minh Thanh	05/04/1991	175	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
72	26B5613	Đào Ngọc Thanh	02/09/1990	176	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
73	26B588	Lê Thị Phương Thảo	04/10/1995	177	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
74	26B5605	Lê Văn Thắng	24/10/1998	178	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
75	26B599	Đinh Ngọc Thiện	25/07/1993	179	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
76	26B504	Vũ Minh Thư	19/02/1996	180	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
77	26B533	Nguyễn Hoàng Tiến	26/09/2004	181	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
78	26B579	Phạm Đình Tiến	01/10/1990	182	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
79	26B520	Trần Quỳnh Trang	08/06/2003	183	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
80	26B542	Bùi Thị Trang	02/10/2004	184	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
81	26B5620	Lê Đức Trọng	17/06/1983	185	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
82	26B544	Bùi Khắc Trung	04/10/1990	186	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
83	26B595	Trần Văn Trung	01/10/1988	187	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
84	26B589	Lưu Quốc Trung	04/03/2004	188	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
85	26B5619	Trần Minh Tuyên	28/10/1989	189	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
86	26B524	Nguyễn Thu Uyên	21/04/2003	190	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
87	26B592	Nguyễn Thị Hà Vy	26/10/2002	191	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
88	26B598	Lê Hương Xuân	29/01/2004	192	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
89	26B548	Phan Hoàng Yến	17/12/2003	193	8340101,Quản trị kinh doanh. Định hướng ứng dụng	
90	26B234	Nguyễn Thúy An	29/09/1997	194	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
91	26B252	Nguyễn Đình An	26/11/2003	195	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
92	26B214	Trần Hồng Anh	09/03/2002	196	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
93	26B223	Nguyễn Tuấn Anh	15/12/2003	197	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
94	26B235	Lê Nguyễn Kim Anh	27/11/2004	198	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
95	26B242	Quản Vân Anh	01/06/2001	199	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
96	26B264	Hoàng Kiều Anh	16/09/2004	200	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
97	26B211	Hoàng Minh Châu	19/01/1999	201	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
98	26B269	Trần Thị Mai Chi	01/05/2001	202	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
99	26B267	Lê Ngọc Cương	15/07/2003	203	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
100	26B233	Chu Lê Duy	23/12/2002	204	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
101	26B219	Nguyễn Đăng Duy	24/07/2005	205	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
102	26B203	Ngọ Doãn Nhật Dương	14/05/2004	206	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
103	26B241	Phạm Tùng Dương	04/01/2003	207	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
104	26B238	Dương Thành Đạt	22/09/2003	208	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
105	26B201	Đỗ Quang Hà	14/09/2002	209	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
106	26B273	Nguyễn Thị Thu Hà	21/04/2001	210	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
107	26B229	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12/04/1999	211	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
108	26B236	Trần Minh Hằng	30/01/1998	212	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
109	26B206	Phạm Thu Hiền	04/11/2003	213	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
110	26B245	Lê Thị Diệu Hiền	21/07/2003	214	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
111	26B217	Lê Thị Hòa	09/04/2004	215	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
112	26B204	Đặng Quang Huy	24/10/1991	216	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
113	26B232	Phạm Quang Huy	30/11/2004	217	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
114	26B243	Nguyễn Đức Hùng	15/12/2002	218	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
115	26B202	Hồ Long Khánh	25/12/2004	219	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
116	26B254	Trần Thị Khánh	02/09/1995	220	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
117	26B262	Phạm Trung Kiên	29/11/2005	221	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
118	26B265	Vi Hương Lan	10/11/2002	222	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
119	26B208	Lê Nguyễn Mỹ Linh	29/08/2002	223	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
120	26B253	Nguyễn Thị Việt Linh	13/07/1993	224	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
121	26B263	Kim Thị Thanh Loan	17/07/2003	225	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
122	26B218	Vũ Thị Trà My	24/06/2004	226	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
123	26B250	Phạm Hiếu Ngân	01/08/2003	227	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
124	26B244	Lê Trang Nhung	13/06/2004	228	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
125	26B213	Phạm Hoàng Phú	19/01/2003	229	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
126	26B230	Vũ Mai Phương	02/05/2004	230	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
127	26B258	Nguyễn Hà Phương	03/07/2004	231	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
128	26B257	Nguyễn Thu Phương	08/06/2002	232	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
129	26B260	Ngô Ngân Phương	16/12/2005	233	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
130	26B255	Ngô Minh Phương	19/05/1995	234	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
131	26B261	Vũ Thị Quỳnh	28/02/2005	235	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
132	26B222	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/01/2002	236	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
133	26B266	Trần Thanh Tâm	01/04/2003	237	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
134	26B209	Bùi Nguyễn Phúc Thành	16/05/2001	238	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
135	26B228	Lê Thị Huyền Thương	09/09/2004	239	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
136	26B220	Nguyễn Huyền Trang	06/09/2005	240	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
137	26B259	Hoàng Phương Trang	21/10/2004	241	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
138	26B246	Hà Huyền Trâm	17/08/2003	242	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
139	26B210	Hoàng Thị Ánh Tuyết	03/01/1991	243	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
140	26B271	Phạm Tố Uyên	28/05/2003	244	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
141	26B270	Phạm Tố Uyên	15/07/2000	245	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
142	26B212	Lê Thị Ánh Vân	25/01/1994	246	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
143	26B239	Nguyễn Yến Vy	21/05/2004	247	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
144	26B251	Trương Tuấn Ý	17/11/2003	248	8340121_2,Marketing thương mại. Định hướng ứng dụng	
145	26B118	Nguyễn Thị Tân Anh	22/02/1991	249	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
146	26B138	Lê Thị Ngọc Anh	12/01/2002	250	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
147	26B104	Phạm Như Quỳnh Chi	30/05/2004	251	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
148	26B114	Chu Văn Dũng	01/08/1983	252	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
149	26B108	Nguyễn Thị Ngân Giang	10/11/2004	253	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
150	26B115	Đặng Thị Hảo	18/11/2001	255	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
151	26B135	Phạm Thị Hạnh	18/09/1990	256	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
152	26B103	Phạm Thị Thu Hằng	24/07/2000	257	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
153	26B119	Nguyễn Thị Hằng	02/08/1989	258	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
154	26B101	Nguyễn Thị Hiền	03/06/2002	259	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
155	26B124	Trần Thị Thu Hiền	27/02/1994	260	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
156	26B126	Nguyễn Thị Hồng	07/01/1991	261	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
157	26B133	Phạm Quang Huy	19/08/2001	262	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
158	26B121	Nguyễn Thị Huyền	02/11/2004	263	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
159	26B128	Nguyễn Đức Hưởng	26/10/1978	264	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
160	26B105	Nguyễn Thị Hồng Lam	25/02/1998	265	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
161	26B134	Mai Phương Linh	01/01/2004	266	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
162	26B136	Nguyễn Thành Luân	26/10/2986	267	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
163	26B123	Nguyễn Thị Hiền Lương	17/01/2004	268	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
164	26B109	Nguyễn Thu Nga	07/10/2003	269	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
165	26B120	Yên Thị Hồng Nhung	14/03/2004	270	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
166	26B117	Nguyễn Hà Phương	22/11/2004	271	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
167	26B122	Nguyễn Trọng Quyền	15/04/2004	272	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
168	26B130	Bùi Thị Phương Thanh	21/03/2004	273	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
169	26B111	Nguyễn Thị Kim Thoa	07/04/1988	274	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
170	26B125	Hoàng Thị Huyền Trang	20/11/1998	275	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
171	26B106	Nguyễn Thị Thu Uyên	01/03/2001	277	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
172	26B137	Phạm Thị Minh Xuyến	01/11/1988	278	8340301,Kế toán. Định hướng ứng dụng	
173	26B601	Bùi Ngọc Tuấn Anh	01/01/2000	279	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
174	26B623	Phạm Huy Anh	18/01/2002	280	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
175	26B641	Trần Quốc Anh	15/09/2003	281	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
176	26B677	Hoàng Nam Anh	17/05/2002	282	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
177	26B692	Phạm Hà Anh	16/06/2005	283	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
178	26B6645	Nguyễn Mai Anh	27/12/2003	284	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
179	26B6630	Lê Thanh Hải Bắc	24/05/1994	285	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
180	26B609	Đặng Phạm Linh Chi	06/01/2000	286	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
181	26B656	Lê Thị Khánh Chi	02/08/2003	287	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
182	26B695	Phan Đức Chiến	31/08/2000	288	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
183	26B659	Đỗ Đào Chương	25/05/1991	289	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
184	26B615	Nguyễn Mạnh Cường	21/03/2005	290	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
185	26B6646	Trần Văn Cường	28/03/2004	291	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
186	26B657	Nguyễn Ngọc Diệp	14/05/2005	292	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
187	26B648	Phạm Tư Duy	19/06/1996	293	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
188	26B644	Nịnh Thùy Dương	07/08/1994	294	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
189	26B627	Vũ An Dương	15/01/2003	295	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
190	26B6601	Trần Quang Đạo	21/06/1991	296	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
191	26B621	Lương Phúc Đạt	11/08/2003	297	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
192	26B658	Mai Đức Thế Đạt	11/08/2002	298	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
193	26B680	Trịnh Hoàng Hà	10/11/1996	299	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
194	26B679	Mai Xuân Hải	02/01/2001	300	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
195	26B629	Trần Nhật Hạ	21/07/2004	301	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
196	26B640	Hoàng Thị Hạnh	25/10/1996	302	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
197	26B691	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17/10/2005	303	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
198	26B697	Vũ Thị Hiên	21/08/1994	304	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
199	26B682	Đỗ Minh Hiếu	16/12/1997	305	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
200	26B6613	Lưu Hưng Hiếu	10/08/2002	306	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
201	26B6632	Nguyễn Thị Hoa	20/01/1990	307	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
202	26B631	Vũ Phương Hoa	10/06/2002	308	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
203	26B6640	Ngô Thị Quỳnh Hoa	21/12/1984	309	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
204	26B605	Hồ Thu Hoài	01/07/1999	310	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
205	26B663	Ngô Thị Thu Hoài	20/06/1992	311	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
206	26B669	Nguyễn Minh Hoàn	31/05/2003	312	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
207	26B6621	Nguyễn Huy Hoàng	10/03/2000	313	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
208	26B651	Ong Xuân Hoàng	09/09/2003	314	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
209	26B6624	Lê Hoàng	01/08/2003	315	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
210	26B686	Cù Đức Huy	12/03/2003	316	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
211	26B617	Nguyễn Thị Huyền	08/09/2001	317	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
212	26B607	Mai Thành Huynh	04/08/1988	318	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
213	26B6639	Trần Vũ Hùng	04/07/2002	319	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
214	26B698	Hoàng Minh Hưng	10/12/2004	320	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
215	26B6638	Bùi Thị Mai Hương	12/10/1997	321	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
216	26B6625	Hoàng Kim Trần Khải	10/05/2004	322	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
217	26B647	Phạm Duy Khánh	26/09/1988	323	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
218	26B6623	Chu Quốc Khánh	02/12/2004	324	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
219	26B6637	Dương Tân Khoa	19/09/1993	325	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
220	26B696	Lục Đức Kiên	02/03/1997	326	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
221	26B6622	Ngô Tùng Lâm	04/02/2004	327	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
222	26B611	Nguyễn Khánh Linh	28/08/1999	328	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
223	26B684	Nguyễn Văn Linh	26/09/2003	329	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
224	26B672	Trần Phương Linh	11/06/2003	330	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
225	26B612	Nguyễn Quang Linh	05/02/1998	331	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
226	26B624	Bùi Lê Bảo Linh	13/11/2003	332	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
227	26B622	Lê Phương Linh	04/10/2003	333	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
228	26B690	Tằng Khánh Linh	08/08/2003	334	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
229	26B638	Nguyễn Thuỳ Linh	06/03/2002	335	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
230	26B660	Nguyễn Thị Nhật Linh	03/04/2002	336	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
231	26B6634	Nguyễn Thị Cảnh Linh	07/06/1995	337	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
232	26B688	Dương Phương Linh	28/08/2005	338	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
233	26B699	Lê Thị Hương Ly	28/03/2000	339	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
234	26B630	Nguyễn Quỳnh Mai	23/11/2003	340	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
235	26B6636	Nguyễn Phương Mai	17/10/2004	341	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
236	26B603	Trương Tuấn Minh	15/04/2003	342	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
237	26B636	Lê Thị Tuyết Minh	29/09/1983	343	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
238	26B662	Trần Quang Minh	08/10/2004	344	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
239	26B618	Trần Quang Minh	27/12/2004	345	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
240	26B650	Nguyễn Hoàng Minh	28/11/2004	346	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
241	26B625	Phan Thị Trà My	20/10/2003	348	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
242	26B614	Nguyễn Bá Nam	13/01/2004	349	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
243	26B664	Nguyễn Sơn Nam	13/03/1999	350	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
244	26B681	Đinh Trần Nam	10/12/1991	351	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
245	26B6635	Dương Quỳnh Nga	02/09/1992	352	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
246	26B619	Nguyễn Đức Nghĩa	31/10/2001	353	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
247	26B654	Hoàng Thị Minh Ngọc	28/07/2004	354	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
248	26B616	Đặng Văn Nguyên	21/10/1983	355	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
249	26B666	Lê Đức Nhuần	15/06/1976	356	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
250	26B633	Bùi Việt Quang	16/08/2005	357	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
251	26B6618	Đỗ Minh Quang	10/10/2004	358	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
252	26B683	Phạm Minh Quốc	14/08/1997	359	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
253	26B6633	Phạm Thái Sơn	27/04/1995	360	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
254	26B6619	Nguyễn Việt Thanh	10/03/1997	361	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
255	26B628	Trần Văn Thành	01/05/1993	362	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
256	26B643	Vũ Đình Thành	19/11/1982	363	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
257	26B694	Vũ Phương Thảo	12/09/2002	364	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
258	26B6614	Triệu Thị Thanh Thái	11/11/2004	365	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
259	26B6627	Vũ Đức Tiến	28/06/1999	366	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
260	26B604	Nguyễn Ngọc Mai Trang	16/07/2005	367	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
261	26B626	Lê Thu Trang	28/03/2002	368	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
262	26B689	Vũ Huyền Trang	07/11/2002	369	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
263	26B675	Nguyễn Thị Thu Trang	12/11/2002	370	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
264	26B685	Đoàn Thị Hà Trang	31/07/2000	371	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
265	26B6628	Phạm Thị Thùy Trang	13/05/1990	372	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
266	26B6615	Bạch Ngọc Tú	06/04/2003	373	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
267	26B665	Tạ Đức Tuân	18/7/1974	374	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
268	26B661	Vũ Minh Tuấn	25/02/2004	375	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
269	26b645	Nguyễn Kim Tuyến	13/01/2003	376	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
270	26B693	Nguyễn Hoàng Vũ	27/05/2004	377	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
271	26B606	Trần Mạnh Dũng	27/12/2004	378	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
272	26B655	Hoàng Hương Giang	26/01/2004	379	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
273	26B6620	Trần Minh Hiếu	04/11/2003	380	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
274	26B667	Phạm Lê Hoài Long	01/08/2002	381	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
275	26B6626	Nguyễn Thành Lộc	19/10/2004	382	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
276	26B613	Đặng Đức Thành	02/11/2002	383	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
277	26B674	Nguyễn Công Thành	26/11/2003	384	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
278	26B639	Nguyễn Thanh Thảo	10/07/2004	385	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
279	26B6617	Đặng Quang Triều	29/03/1979	386	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
280	26B6629	Đặng Vũ Tú Uyên	17/08/2002	387	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
281	26B610	Ma Thị Bảo Yến	28/03/1993	388	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
282	26B6602	Trần Thị Thuỳ Giang	10/11/1986	389	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
283	26B6603	Lê Thu Hiền	09/11/1999	390	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
284	26B6604	Vũ Thị Kim Liên	24/11/1988	391	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
285	26B6606	Đinh Thị Thanh Thương	25/06/1996	392	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
286	26B6607	Vũ Thị Tình	15/08/1982	393	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
287	26B6608	Nguyễn Anh Tuấn	03/11/1994	394	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
288	26B6600	Lương Thị Tuyết	15/07/1986	395	8310110,Quản lý kinh tế. Định hướng ứng dụng	
289	26B409	Phạm Diệp Anh	13/12/2004	397	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
290	26B424	Vũ Thế Anh	01/01/2004	398	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
291	26B445	Lê Ngọc Anh	20/09/1994	399	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
292	26B461	Lê Thị Hồng Anh	11/08/2002	400	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
293	26B447	Vũ Quang Anh	05/11/2005	401	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
294	26B458	Bùi Thị Ngọc Ánh	07/10/2003	402	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
295	26B448	Nguyễn Minh Châu	05/09/2003	403	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
296	26B416	Phạm Thùy Dịu	30/08/2003	404	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
297	26B423	Trần Thị Mỹ Duyên	31/08/1996	405	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
298	26B469	Lê Trọng Hoàng Dương	04/03/2003	406	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
299	26B444	Nguyễn Linh Đan	31/08/2004	407	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
300	26B411	Nguyễn Thị Anh Đào	04/08/2000	408	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
301	26B431	Bùi Quang Đạt	22/06/2001	409	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
302	26B451	Lê Hải Đăng	18/11/2003	410	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
303	26B427	Lê Hoàng Đức	06/02/2004	411	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
304	26B425	Vũ Thị Giang	14/03/1994	412	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
305	26B463	Đinh Thị Hương Giang	02/09/2002	413	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
306	26B433	Mai Ngọc Hà	12/10/2000	414	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
307	26B456	Vũ Hồng Hà	01/07/1999	415	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
308	26B428	Nguyễn Đào Vinh Hải	29/03/2005	416	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
309	26B419	Phùng Hồng Hạnh	08/03/2001	417	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
310	26B467	Đoàn Thị Minh Hạnh	30/01/2000	418	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
311	26B408	Nguyễn Thu Hiền	01/05/2005	419	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
312	26B449	Nguyễn Hữu Hiếu	29/01/1999	420	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
313	26B466	Ngô Việt Hoàng	24/10/2005	421	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
314	26B405	Lê Đức Huy	03/10/2004	422	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
315	26B406	Bùi Quang Huy	09/06/2004	423	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
316	26B436	Vũ Tuấn Hùng	08/08/2003	424	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
317	26B452	Lê Văn Hùng	12/10/1992	425	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
318	26B465	Vũ Tuấn Hưng	13/10/1998	426	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
319	26B439	Phan Văn Khải	16/01/2000	427	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
320	26B453	Nguyễn Nam Khánh	01/09/2005	428	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
321	26B422	Phạm Thị Hồng Liên	25/10/2003	429	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
322	26B468	Nguyễn Phương Kiều Linh	14/08/1995	430	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
323	26B403	Nguyễn Hoài Linh	16/12/1997	432	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
324	26B415	Nguyễn Mai Linh	19/03/2004	433	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
325	26B430	Trương Khánh Linh	21/09/2003	434	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
326	26B459	Dương Thị Hồng Ngọc	10/04/2001	435	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
327	26B413	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/12/2004	436	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
328	26B460	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/04/1991	437	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
329	26B457	Lê Minh Phúc	26/06/2004	438	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
330	26B455	Muộn Bùi Mạnh Tân	31/10/2001	439	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
331	26B420	Nguyễn Thu Thảo	11/12/2002	440	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
332	26B437	Mai Văn Tiến	04/09/1993	441	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
333	26B462	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/04/1995	442	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
334	26B440	Ngô Thanh Tú	07/07/1998	443	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
335	26B464	Nguyễn Thị Yến	26/12/1988	444	8340201,Tài chính - Ngân hàng. Định hướng ứng dụng	
336	26B321	Lê Thị Minh Anh	17/12/1997	445	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
337	26B310	Hà Nhật Nguyên Anh	26/04/2004	446	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
338	26B336	Tống Việt Anh	19/07/1999	447	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
339	26B317	Phan Cẩm Chi	20/06/1996	448	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
340	26B339	Nguyễn Phương Dung	15/09/2004	449	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
341	26B360	Lê Xuân Duy	13/08/2002	450	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
342	26B359	Nông Văn Dương	07/12/2002	451	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
343	26B338	Nguyễn Minh Đức	01/11/2004	452	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
344	26B316	Bùi Huệ Giang	07/12/2002	453	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
345	26B355	Nguyễn Thu Hà	08/08/1988	454	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
346	26B350	Đinh Thu Hà	23/08/2001	455	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
347	26B308	Nguyễn Thị Hạnh	02/11/1987	456	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
348	26B315	Nguyễn Thị Hằng	22/05/1990	457	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
349	26B322	Phạm Thuý Hiền	30/12/2003	458	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
350	26B306	Lê Thị Hoài	19/08/2003	459	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
351	26B324	Nguyễn Ngọc Bảo Hồng	12/08/1999	460	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
352	26B326	Đào Thị Huyền	26/10/1990	461	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
353	26B337	Đỗ Thị Huyền	28/06/1994	462	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
354	26B357	Tạ Thị Như Huyền	02/11/1989	463	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
355	26B313	Vũ Thị Hương	29/10/1999	464	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
356	26B323	Đặng Thị Thu Hương	11/11/1994	465	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
357	26B333	Đặng Thị Giang Hương	26/07/1995	466	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
358	26B341	Nguyễn Thị Khơ Mây	01/11/2000	467	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
359	26B314	Trần Thị Nga	24/03/1997	468	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
360	26B320	Luyện Thị Thanh Nga	06/03/2003	469	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
361	26B303	Nguyễn Chí Nghĩa	18/11/2003	470	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
362	26B301	Mai Thị Hồng Ngọc	09/12/1986	471	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
363	26B331	Vũ Phương Ngọc	19/02/2003	472	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
364	26B346	Trịnh Thủy Ngọc	15/11/2002	473	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
365	26B330	Đỗ Yến Nhi	27/04/2001	474	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
366	26B329	Vũ Trang Nhung	23/11/2004	475	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
367	26B342	Nguyễn Thị Nhung	11/11/1988	476	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
368	26B353	Lê Phương Nhung	23/11/2001	477	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
369	26B354	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1991	478	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
370	26B312	Nguyễn Bách Phong	10/10/1991	479	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
371	26B328	Vũ Hồng Phong	06/07/1985	480	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
372	26B325	Nguyễn Ngọc Phương	08/06/2005	481	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
373	26B351	Vũ Tuyết Phương	10/09/2003	482	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	

STT	Mã HS	Họ và Tên	Ngày sinh	SBD	CTĐT trúng tuyển	Ghi chú
374	26B307	Phan Thị Quỳnh	24/10/1988	483	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
375	26B358	Đoàn Thị Thanh	07/03/1997	484	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
376	26B343	Nguyễn Thị Thu	29/11/1993	485	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
377	26B356	Trần Thị Thủy Tiên	21/06/2000	486	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
378	26B318	Phan Thị Trang	12/03/1999	487	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
379	26B319	Bùi Minh Trang	10/05/2002	488	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
380	26B334	Dương Thu Trang	19/04/2003	489	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
381	26B327	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	17/12/2000	490	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	
382	26B361	Vũ Thanh Tùng	10/10/2002	491	8340404,Quản trị nhân lực. Định hướng ứng dụng	

(Danh sách gồm 382 học viên)

Hà nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS. Nguyễn Hoàng